

Số: 103/2026/QĐST-HNGĐ

Cần Thơ, ngày 24 tháng 03 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CẦN THƠ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 132/2026/TLST-VHNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông **Trương Công Đ**, sinh năm: 1985.

2. Bà **Lê Thị Bích Đ1**, sinh năm: 1985.

Cùng địa chỉ: **Số I, đường C, phường T, thành phố Cần Thơ.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông **Trương Công Đ** và bà **Lê Thị Bích Đ1** yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, Tòa án tiến hành hòa giải cho đương sự đoàn tụ gia đình nhưng không thành. Tại biên bản hòa giải, biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16/03/2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ, ông **Trương Công Đ** và bà **Lê Thị Bích Đ1** đã thống nhất thỏa thuận:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông bà xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 14/5/2008 tại Ủy ban nhân **phường H, quận N, thành phố Cần Thơ** (cũ). Quá trình chung sống giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn; Nguyên nhân là do ông bà bất hòa trong việc gia đình, bất đồng quan điểm sống. Nay ông bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông bà xác nhận có hai con chung là cháu **Trương Thị Yến N** (Nữ) sinh ngày 20/01/2009 và cháu **Trương Minh K** (Nam) sinh ngày 12/7/2011. Ông

bà thống nhất giao hai con cho bà **Lê Thị Bích Đ1** trực tiếp nuôi dưỡng. Ông **Trương Công Đ** không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí hôn nhân sơ thẩm: Ông **Trương Công Đ** tự nguyện chịu.

[2] Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng ông **Trương Công Đ** và bà **Lê Thị Bích Đ1** không đồng ý đoàn tụ mà giữ nguyên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của ông bà.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Trương Công Đ** và bà **Lê Thị Bích Đ1** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông bà xác nhận có hai con chung là cháu **Trương Thị Yến N** (Nữ) sinh ngày 20/01/2009 và cháu **Trương Minh K** (Nam) sinh ngày 12/7/2011. Ông bà thống nhất giao hai con cho bà **Lê Thị Bích Đ1** trực tiếp nuôi dưỡng. Ông **Trương Công Đ** không cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho ông **Trương Công Đ** không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình: Ông **Trương Công Đ** tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); Chuyển số tiền tạm ứng lệ phí ông **Trương Công Đ** đã nộp theo biên lai thu số 0003172 ngày 12/02/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Cần Thơ thành lệ phí phải chịu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSNDKV1-Cần Thơ;
- Phòng THADSKV1-Cần Thơ;
- UBND P. Tân An, TPCT
(Số 66 ngày 14/5/2008);
- Lưu hồ sơ.

Văng Thị Ngọc Yến